|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP  VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  **TRUNG TÂM**  **KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2020* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết công tác khuyến nông năm 2020**

**và triển khai kế hoạch khuyến nông năm 2021**

**ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM 2020**

Năm 2020, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: (1) Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động đến đời sống, kinh tế, xã hội, làm đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu và gây ảnh hưởng trực tiếp tới sản xuất và hoạt động xuất, nhập khẩu, tiêu thụ nông sản; (2) Dịch tả lợn châu Phi giảm mạnh nhưng chưa được khống chế hoàn toàn nên gây không ít khó khăn cho tái đàn, tăng đàn; cúm gia cầm có nguy cơ bùng phát khi tổng đàn đang rất lớn; (3) Lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra ở cả 3 miền, nhất là khu vực miền Trung và vùng ĐBSCL; (4) Thị trường tiêu thụ một số nông sản có xu hướng giảm và chịu tác động từ chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn, các nước gia tăng áp dụng những biện pháp bảo hộ, hàng rào kỹ thuật.

Năm 2020 là năm thứ hai triển khai thực hiện Nghị định 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông. Công tác quản lý và triển khai hoạt động khuyến nông theo Nghị định mới vẫn còn một số điểm chưa được thống nhất giữa các đơn vị. Trong khi đó, thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW, một số tỉnh đã triển khai việc rà soát, sắp xếp tổ chức ngành Nông nghiệp (trong đó có hệ thống khuyến nông), cũng đã ảnh hưởng đến việc tổ chức triển khai hoạt động khuyến nông từ Trung ương đến cơ sở.

Trong bối cảnh đó, được sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, sự phối hợp, cộng tác chặt chẽ của các cơ quan chức năng thuộc Bộ và các địa phương, sự ủng hộ của bà con nông dân trên khắp cả nước, tập thể cán bộ viên chức Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã đoàn kết, nỗ lực, cố gắng vượt qua khó khăn, thử thách, chủ động, sáng tạo trong công tác để hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch khuyến nông trung ương năm 2020, qua đó góp phần vào sự tăng trưởng, phát triển chung của toàn ngành Nông nghiệp (GDP toàn Ngành tăng 2,65%; Tỷ lệ che phủ rừng 42%; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới 62%; kim ngạch xuất khẩu toàn ngành 41,2 tỷ USD), góp phần cải thiện, nâng cao thu nhập cho bà con nông dân và xây dựng nông thôn mới.

**Phần I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG NĂM 2020**

**I. Công tác xây dựng và phát triển hệ thống khuyến nông**

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, các tỉnh, thành phố đã tiến hành sắp xếp, đổi mới tổ chức các cơ quan chuyên môn ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh, cấp huyện (trong đó có hệ thống khuyến nông).

1. **Cấp tỉnh:**

Theo báo cáo của các địa phương, đến nay đã có 14/63 tỉnh tiến hành sắp xếp theo hướng hợp nhất, sáp nhập các đơn vị sự nghiệp ngành nông nghiệp (trong đó có khuyến nông). Từ đó dẫn tới sự thay đổi về tên gọi, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh.

Có 23/63 tỉnh đã tiến hành rà soát, thực hiện tinh gọn bộ máy (giảm số phòng, giảm biên chế), thay đổi về tên gọi, bổ sung thêm các chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động như: dịch vụ nông nghiệp, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, quản lý công trình thủy lợi,…

Có 02 tỉnh (Lai Châu; Bình Dương) đã tiến hành giải thể Trung tâm Khuyến nông tỉnh, chuyển giao nhiệm vụ khuyến nông cho các Chi cục thực hiện.

Sau khi đổi mới, sắp xếp, kiện toàn, các tổ chức khuyến nông cấp tỉnh mới hoạt động theo mô hình đa ngành, đa lĩnh vực với nhiều nội dung, lĩnh vực hoạt động mới như: khảo nghiệm, kiểm nghiệm (Bình Phước, Tiền Giang,…); nông nghiệp công nghệ cao (Bắc Ninh); quy hoạch (Yên Bái); nước sạch và VSMTNT (Lâm Đồng, Đồng Tháp); quản lý, khai thác công trình thủy lợi (Hậu Giang); sản xuất, cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, tư vấn, dịch vụ, xúc tiến thương mại,…

1. **Cấp huyện:**

Theo báo cáo của các địa phương, đến nay đã có 35/63 tỉnh, thành phố tiến hành hợp nhất Trạm Khuyến nông, Trạm BVTV, Trạm Thú y để thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp trực thuộc UBND huyện theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Có 25/63 tỉnh, thành phố vẫn đang duy trì mô hình Trạm Khuyến nông huyện (chưa hợp nhất các Trạm), trong đó 17 tỉnh hoạt động theo mô hình quản lý ngành dọc (Trạm Khuyến nông trực thuộc Trung tâm Khuyến nông tỉnh) và 8 tỉnh hoạt động theo mô hình quản lý theo cấp (Trạm Khuyến nông trực thuộc UBND huyện).

1. **Cấp cơ sở:**

- Khuyến nông viên xã: theo báo cáo, hiện có 38 tỉnh, thành phố còn duy trì cán bộ khuyến nông cấp xã với số lượng khoảng 6.500 người.

- Cộng tác viên khuyến nông thôn bản: hiện có 10 tỉnh duy trì mạng lưới cộng tác viên khuyến nông với tổng số khoảng hơn 16.000 người.

Trong quá trình sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức khuyến nông các cấp, các tỉnh gặp những khó khăn, vướng mắc về: cơ chế quản lý, chỉ đạo, phối hợp hoạt động khuyến nông; chính sách, chế độ đối với cán bộ khuyến nông; nguồn lực đầu tư cho hoạt động khuyến nông;… Để góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã chủ động tham mưu cho Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương. Trung tâm đã phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khuyến nông. Tổ chức Hội nghị giao ban công tác khuyến nông để phổ biến, hướng dẫn các chủ trương, định hướng của Bộ cũng như trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương nhằm tiếp tục củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức khuyến nông các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo đúng tinh thần Nghị quyết 19-NQ/TW.

**II. Công tác xây dựng cơ chế chính sách về khuyến nông**

Để góp phần hoàn thiện công tác quản lý và hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý. Trong năm 2020 Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ xây dựng các văn bản quy định, hướng dẫn về khuyến nông như sau:

- Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khuyến nông (hiện nay Thông tư đang trong quá trình hoàn thiện để trình Bộ trưởng ký ban hành).

- Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Vụ Pháp chế xây dựng, trình Bộ ban hành Quyết định số 2166/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/6/2020 về Quy chế quản lý chương trình, dự án khuyến nông trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên (thay thế Quyết định số 3661/QĐ-BNN-TCCB).

- Xây dựng, ban hành Quyết định số 116/QĐ-KN-TCHC ngày 06/7/2020 của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia về hướng dẫn quản lý hoạt động khuyến nông Trung ương để hướng dẫn địa phương, đơn vị thực hiện.

**III. Kinh phí hoạt động khuyến nông trung ương năm 2020**

Năm 2020, kinh phí khuyến nông được giao là 250 tỷ đồng (không tăng so với năm 2018 và 2019). Trong đó phân bổ cho 113 dự án là 183,34 tỷ đồng (chiếm 73,3%), cho nhiệm vụ Khuyến nông thường xuyên (KNTX) là 55,6 tỷ đồng (chiếm 22,24%).

**1. Phân bổ và sử dụng kinh phí:**

- Nguồn kinh phí tự chủ:

Dự toán được giao 8,698 tỷ đồng, kinh phí năm 2019 chuyển sang là 229 triệu đồng. Đã phân bổ cho các nội dung, nhiệm vụ trong đó thực hiện đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết Hội nghị CBVC phấn đấu thu nhập tăng thêm cho CBVC đạt 2,0 tháng lương.

- Nguồn Khuyến nông: Dự toán được giao 142,95 tỷ (sau điều chỉnh 141,847 tỷ đồng). Dự kiến thực hiện khoảng 138,5 tỷ đồng, đạt khoảng 97,5% dự toán giao (thấp nhất trong 3 năm gần đây). Nguyên nhân là do các đơn vị báo cáo chậm, muộn; một số dự án, nhiệm vụ cuối năm không thực hiện được do ảnh hưởng của dịch bệnh, bão lụt, ...

- Nguồn xây dựng Nông thôn mới và Xóa đói giảm nghèo:Kinh phí 1,3 tỷ đồng. Trong đó nội dung xây dựng 06 đĩa hình, kinh phí 500 tr.đồng của xóa đói giảm nghèo không thực hiện được.

- Nguồn quản lý hành chính (400tr): không thực hiện đã có văn bản báo cáo trả lại.

- Nguồn vốn đầu tư (CK)*:* Số thông báo là 3,582 tỷ đồng, theo quyết toán được duyệt, kinh phí thanh toán cho các nhà thầu là 2,2 tỷ, số còn lại nộp trả ngân sách.

**2. Điều hành ngân sách 2020:**

Trong quá trình triển khai, theo đề nghị của Tổ chức chủ trì, để phù hợp với thực tế triển khai, đảm bảo hiệu quả các dự án, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (KNQG) đã tổng hợp, trình Bộ điều chỉnh 16 dự án (trong đó điều chỉnh chủ nhiệm 07 dự án, điều chỉnh mục tiêu 09 dự án) và Trung tâm đã điều chỉnh nội dung 07 dự án theo thẩm quyền.

- Rà soát kinh phí dư từ các dự án là 540 triệu đồng để bổ sung 18 lớp tập huấn khắc phục bão lũ và dịch bệnh cho 05 tỉnh Bắc Trung bộ.

- Rà soát kinh phí bổ sung cho mở rộng dự án chăn nuôi lợn hữu cơ: Nhu cầu 1.500 triệu đồng, kinh phí kết dư từ các dự án là 514,9 triệu đồng, Bộ giao bổ sung 985,1 triệu đồng.

- Điều chỉnh kinh phí khuyến nông thường xuyên bổ sung một số nội dung khắc phục bão lũ tại các tỉnh miền Trung, cụ thể như sau:

+ Nhiệm vụ thông tin tuyên truyền: rà soát, điều chỉnh kinh phí dư để bổ sung 02 tọa đàm, in và phát hành 9.000 tờ gấp kỹ thuật và 10 chương trình thông tin tuyên truyền khôi phục sản xuất sau bão lũ, tổng kinh phí: 439,5 triệu đồng.

+ Nhiệm vụ đào tạo tập huấn: rà soát, điều chỉnh kinh phí dư để bổ sung 09 lớp tập huấn, tư vấn kỹ thuật, kinh phí 270 triệu đồng cho 4 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

- Rà soát, điều chỉnh kinh phí kiểm tra giám sát dự kiến không sử dụng Trung tâm trình Bộ bổ sung kinh phí sửa chữa phòng làm việc và giao 5 tình tổ chức 10 lớp tư vấn, tập huấn kỹ thuật khắc phục bão lụt.

**IV. Kết quả các chương trình, dự án khuyến nông trung ương**

Theo phân công của Bộ tại Quyết định 3661/QĐ-BNN-TCCB và Quyết định 2166/QĐ-BNN-TCCB, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia là đơn vị đầu mối quản lý các chương trình, dự án khuyến nông trung ương sau khi Bộ phê duyệt.

Theo Quyết định phê duyệt của Bộ, năm 2020 Trung tâm Khuyến nông Quốc gia quản lý tổng số 113 dự án khuyến nông Trung ương với tổng kinh phí 181,34 tỷ đồng, trong đó: Trung tâm Khuyến nông tỉnh, thành phố chủ trì 50 dự án, các Viện, Trường thuộc Bộ chủ trì 43 dự án và các đơn vị khác (tổ chức chính trị xã hội, doanh nghiệp,...) chủ trì 18 dự án. Phân theo lĩnh vực: lĩnh vực trồng trọt – BVTV: 46 dự án; lĩnh vực chăn nuôi – thú y: 25 dự án; lĩnh vực thủy sản: 21 dự án; lĩnh vực lâm nghiệp: 12 dự án; lĩnh vực cơ giới hóa, bảo quản chế biến: 08 dự án.

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp với các Vụ, Tổng cục, Cục chuyên ngành chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án khuyến nông trung ương triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiến độ, mùa vụ sản xuất và tổ chức các đoàn kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định. Do ảnh hưởng của Dịch Covid-19, một số dự án phải điều chỉnh về thời gian, nội dung, địa điểm cho phù hợp. Đến nay các dự án đã cơ bản triển khai xong, Trung tâm đang tổ chức nghiệm thu, quyết toán với các đơn vị.

Kết quả một số dự án khuyến nông nổi bật như sau:

**1. Các dự án khuyến nông phục vụ phát triển các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Ngành:**

***1.1. Lĩnh vực trồng trọt – BVTV:***

- *Dự án Xây dựng mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ hạt giống lúa xác nhận 1 các tỉnh ĐBSCL*: Dự án chuyển giao kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa, thực hiện với quy mô 500 ha, đã cung cấp trên 2.500 tấn giống lúa cho sản xuất lúa chất lượng phục vụ chương trình xuất khẩu gạo.

- *Dự án trồng mới, thâm canh vùng nguyên liệu chanh leo và dứa*: thực hiện tại tỉnh Gia Lai với quy mô 14 ha chanh leo và 5 ha dứa. Dự án chuyển giao quy trình quản lý dịch hại tổng hợp trên cây chanh leo, từ việc cung cấp giống sạch bệnh, chăm sóc theo quy trình thâm canh, quản lý dịch hai tổng hợp. Kết quả cây chanh leo sinh trưởng tốt, sạch bệnh, đã cho quả lứa đầu tiên. Dự kiến năm 2021 năng suất đạt 45 tấn/ha. Sản phẩm chanh leo và dứa được Công ty CP thực phẩm Đồng Giao thu mua toàn bộ và chế biến sâu phục vụ xuất khẩu đi các nước EU và Trung Quốc.

- *Dự án thâm canh chè an toàn và liên kết chuỗi chế biến, tiêu thụ nguyên liệu*: triển khai xây dựng 110 ha mô hình tại các tỉnh phía bắc (Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái, Sơn La, Lai Châu, Nghệ An ). Dự án chuyển giao các giải pháp kỹ thuật thâm canh chè chất lượng cao và an toàn phục vụ chế biến, xuất khẩu. Năng suất mô hình tăng 22% so với sản xuất đại trà; giá nguyên liệu búp tươi cao hơn sản phẩm cùng loại 15%, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và tổ chức chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm chè búp tươi tại các điểm triển khai dự án.

- *Dự án sản xuất chè xanh an toàn theo VietGAP*: thực hiện tại tỉnh Thái Nguyên với quy mô 22 ha; chuyển giao quy trình kỹ thuật thâm canh chè an toàn theo VietGAP; năng suất chè bình quân của mô hình đạt 106 tạ búp tươi/ha/năm (tăng 8,6% so với chè sản xuất đại trà); giá bán chè búp tươi 26.000đ/kg (cao hơn 1.000đ/kg so với ngoài MH), thu nhập của người sản xuất tăng thêm 12,5%. Dự án đã góp phần thay đổi tập quán canh tác chè truyền thống sang thâm canh chè theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, được thị trường tin dùng.

- *Dự án xây dựng và phát triển mô hình sản xuất Điều bền vững*: triển khai tại Bình Phước và Lâm Đồng, chuyển giao quy trình kỹ thuật trồng mới và trồng thay thế các vườn điều già cỗi và quản lý sâu, bệnh hại, tổng quy mô các mô hình 300ha. Kết quả mô hình trồng mới tỷ lệ sống > 98%, cây sinh trưởng phát triển tốt, không sâu bệnh hại, khả năng cho bói sau 18 tháng trồng. Mô hình thâm canh, dự kiến tăng năng suất điều từ 15 – 20%, hạn chế tối đa sâu bệnh hại trên vườn cây. Dự án tác động tích cực đến việc nâng cao nhận thức và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất điều cho nông dân trong vùng. Giúp giảm thiểu được thiệt hại do tác động xấu của biến đổi khí hậu, sâu bệnh hại gây ra và góp phần tăng hiệu quả kinh tế, thu nhập cho người sản xuất. Ngoài ra, dự án còn góp phần phát triển vùng nguyên liệu phục vục chế biến và xuất khẩu.

***1.2. Lĩnh vực chăn nuôi – thú y:***

- *Dự án nuôi ong ngoại khai thác mật trên thùng kế theo VietGAHP*: dự án triển khai ở các tỉnh Miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên, nơi có tiềm năng và lợi thế về nguồn mật hoa thiên nhiên để khai thác mật ong hữu cơ. Dự án chuyển giao kỹ thuật nuôi ong thùng kế áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN. Sản phẩm mật ong đáp ứng theo TCVN 12605:2019 đảm bảo không có dư lượng kháng sinh và các hóa chất tồn dư khác nên đảm bảo đủ điều kiện xuất khẩu. Các cơ sở nuôi ong đều được đánh giá công nhận VietGAHP để truy xuất nguồn gốc. Sản phẩm mật ong hữu cơ được Công ty TNHH nông nghiệp Thái Việt thu mua với giá cao hơn thị trường 20.000đ/kg. Dự án góp phần nâng cao thu nhập của người chăn nuôi ong và giúp cho ngành chăn nuôi ong phát triển bền vững.

***1.3. Lĩnh vực thủy sản:***

- *Dự án xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ trên cát đảm bảo an toàn thực phẩm tại một số tỉnh ven biển miền Trung*: triển khai tại các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Bình và Quảng Trị với quy mô 11 ha, năng suất đạt 10,5 tấn/ha. Sản phẩm tôm thẻ chân trắng đảm bảo an toàn thực phẩm, hạn chế dịch bệnh, gắn kết giữa người sản xuất và doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả kinh tế và giá trị sản phẩm.

- *Dự án xây dựng MH nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng hai giai đoạn bằng công nghệ Biofloc gắn tiêu thụ sản phẩm tại các tỉnh phía Bắc*: triển khai tại các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định và Thanh Hóa với quy mô 08 ha, năng suất đạt được 18,6 tấn/ha.

Hai dự án về nuôi tôm đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm và hạn chế dịch bệnh trong nuôi tôm, qua đó đã góp phần phát triển bền vững ngành nuôi tôm và thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm tôm.

- *Dự án xây dựng mô hình ương giống cá tra ứng dụng công nghệ cao liên kết tiêu thụ tại các tỉnh Nam Bộ*: thực hiện tại tỉnh Tiền Giang, quy mô 1,6 ha, năng suất đạt được 21 tấn/ha. Dự án chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới về ương giống cá tra, giúp nâng cao năng suất, chất lượng con giống phục vụ nghề nuôi cá tra thương phẩm tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Dự án ứng dụng giải pháp công nghệ mới về khai thác và bảo quản nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của đội tàu khai thác hải sản xa bờ*: thực hiện tại các tỉnh Khánh Hòa,, Hải Phòng, Nghệ An, Thanh Hóa, Bà Rịa Vũng Tàu, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Ninh Thuận với quy mô 10 tàu. Dự án giúp tăng thời gian bảo quản sản phẩm lên tới 30 ngày, hiệu quả sử dụng nước đá đạt 90%. Dự án đã tạo ra bước đột phá mới, đem lại hiệu quả cao trong bảo quản hải sản trên tàu cá. Hầm bảo quản sử dụng công nghệ mới (CPF) giữ nhiệt tốt đã giúp thời gian tàu cá bám biển dài hơn do lượng đá tiêu hao ít hơn, sản phẩm khai thác có chất lượng tốt hơn và hiệu quả kinh tế đem lại cao hơn nhiều so với hầm bảo quản truyền thống.

- *Dự án xây dựng mô hình bảo quản sản phẩm trên tàu khai thác hải sản xa bờ bằng đá tuyết*: thực hiện tại tỉnh Quảng Ninh với quy mô 01 tàu, mô hình sử dụng máy làm đá tuyết từ nước biển hạn chế được 20-30% lượng sản phẩm bị hư hỏng do quá trình bảo quản, nâng cao được chất lượng, sản lượng sản phẩm bảo quản khi khai thác xa bờ.

- *Dự án xây dựng mô hình tời thủy lực thu lưới rê tầng đáy cho các đội tàu khai thác hải sản xa bờ*: thực hiện tại 4 tỉnh Nghệ An, Hải Phòng và Bà Rịa Vũng Tàu với 03 tàu tham gia lắp đặt. Dự án xây dựng mô hình tời thủy lực thu lưới rê tầng đáy, giúp giảm 2-3 lao động/tàu mô hình, góp phần tăng hiệu quả kinh tế và tăng độ an toàn trong quy trình hoạt động khai thác nghề lưới rê khai thác hải sản xa bờ.

**2. Các dự án khuyến nông phục vụ Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và xây dựng NTM:**

***2.1. Lĩnh vực trồng trọt – BVTV:***

- *Dự án sản xuất lúa Japonica và liên kết chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tại các tỉnh miền núi phía Bắc:* Dự án chuyển giao gói kỹ thuật đồng bộ cho sản xuất 360 ha lúa chất lượng Japonica. Năng suất lúa đạt 62 - 68tạ/ha; Tổ chức liên kết tiêu thụ trên 80% sản lượng lúa cho nông dân, hiệu quả kinh tế của nông dân đạt cao hơn ngoài mô hình từ 25-35% (tương đương với lãi thuần 4,0 -4,5 triệu đồng/ha).

- *Dự án Phát triển sản xuất hạt giống lúa lai F1*: chuyển giao gói kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa lai F1 với các tổ hợp 2 dòng và 3 dòng chủ lực, quy mô sản xuất 255 ha, năng suất hạt lai F1 đạt 28,06 tạ/ha, sản lượng đạt trên 715 tấn đạt tiêu chuẩn, cung cấp cho sản xuất với giá bán giảm từ 10 -15 ngàn đồng/kg so với giá bán giống lúa nhập khẩu (tương đương từ 7 đến 10 tỷ đồng).

- *Dự án phát triển mô hình ứng dụng mạ khay, cấy máy trong sản xuất lúa:* triển khai tại 3 tỉnh (Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên) với quy mô 150 ha; ứng dụng công nghệ mạ khay máy cấy đã góp phần tăng năng suất lao động từ 5 – 7 lần, giảm chi phí sản xuất khâu gieo cấy (giảm 30 - 35% lượng hạt giống gieo, giảm chi phí công gieo cấy từ 1,6 – 3,0 triệu đồng/ha; giảm chi phí vật tư phân bón, thuốc BVTV..) năng suất lúa trong mô hình tăng từ 500 – 700 kg/ha so với sản xuất đại trà, góp phần tăng thu nhập cho người sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế từ 15-20%. Dự án đã xây dựng được 3 tổ dịch vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa, trước mắt thực hiện dịch vụ khâu mạ khay, cấy máy, tiến tới làm dịch vụ cơ giới hóa đồng bộ các khâu sản xuất lúa.

- *Dự án Ứng dụng công nghệ cấy máy trong sản xuất lúa tại một số tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long*: triển khai tại An Giang, Cần Thơ và Kiên Giang. Dự án chuyển giao công nghệ sử dụng công nghệ làm mạ khay và máy cấy. Một sổ điểm mô hình tại huyện Châu Thành và Thoại Sơn tỉnh An Giang quy mô áp dụng 60 ha, năng suất đạt 7,2 tấn/ha, tăng 20% so với sản xuất theo tập quán sạ lan (6 tấn/ha). Lợi nhuận mô hình đạt 24.589.400 đ/ha, cao hơn lúa sạ lan ngoài mô hình 4.707.900 đồng ha (24%). Ngoài hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất đại trà, mô hình lúa cấy cứng cây, ít đổ ngã, ít sâu bệnh; giảm số lần phun thuốc BVTV, giúp giảm tác hại đến môi trường và sức khỏe cho con người.

***2.2. Lĩnh vực chăn nuôi – thú y:***

- *Dự án chăn nuôi gà theo VietGAHP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm*: xây dựng được 9 mô hình chăn nuôi gà theo VietGAHP tại một số tỉnh đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, với quy mô 63.400 con. Các cơ sở tham gia đều áp dung quy trình VietGAHP nên năng suất và chất lượng của sản phẩm tăng lên rõ rệt. Gà Lương phượng: 0 tuần tuổi tỷ lệ nuôi sống 97,2%, đạt khối lượng 1,91 kg, tiêu tốn TĂ/kg tăng khối lượng 2,5kg. Gà Ri lai: 16 tuần tuổi tỷ lệ nuôi sống 96,56%, đạt khối lượng 1,85 kg, tiêu tốn TĂ/kg tăng khối lượng 2,79kg. Gà Mía lai:16 tuần tuổi tỷ lệ nuôi sống 95,3%, đạt khối lượng 1,88 kg, tiêu tốn TĂ/kg tăng khối lượng 2,79kg. 100% cơ sở tham gia mô hình được chứng nhận VietGAHP. Đã ký 13 hợp đồng liên kết liên kết tiêu thụ sản phẩm giúp cho nông dân có đầu ra ổn định, giá bán cao hơn so với ngoài mô hình, hiệu quả kinh tế tăng 16 - 17% và tạo việc làm ổn định cho người chăn nuôi, góp phần thực hiện tiêu chí số 10 về nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

*- Các dự án phát triển chăn nuôi bò:* triển khai tại 6 tỉnh Thái Bình, Ninh Thuận, Hòa Bình, Nam Định, Vĩnh Phúc, Hà Nội với quy mô 880 con bò.

+ Mô hình cải tạo đàn bò bằng kỹ thuật TTNT đã góp phần tạo ra đàn bò lai có giá trị kinh tế cao hơn so với đàn bò Vàng Việt Nam. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt được như sau: Khối lượng bê sơ sinh đạt 24,1 kg/con, cao hơn so với yêu cầu dự án 4,1 kg/con (tương ứng 20,5%); Tỷ lệ nuôi sống đến 6 tháng tuổi đạt 99,8%, cao hơn so với yêu cầu dự án 6,8%. Dự án đã giúp các hộ chăn nuôi nâng cao trình độ, nhận thức về những kiến thức cơ bản về TTNT, kỹ thuật chăn nuôi bò sinh sản, lợi ích từ việc TTNT cho bò để từ đó tạo tiền đề cho phát triển chăn nuôi bò theo hướng sản xuất hàng hóa, mang lại hiệu quả kinh tế cao và bền vững.

+ Mô hình bò vỗ béo: do bò được tiêm tẩy nội ngoại ký sinh trùng trước khi vỗ béo và cho ăn thức ăn tinh kết hợp với thức ăn xanh một cách hợp lý nên bò có khả năng tăng trọng nhanh, bình quân đạt783 g/con/ngày, vượt so với yêu cầu 36,5 g/con/ngày (tương ứng 5,2%). Các mô hình được triển khai đã tác động tích cực đối với phát triển sản xuất, góp phần tăng năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi. Đặc biệt là giải quyết những bất cập về môi trường do chăn nuôi gây ra, chuồng trại luôn được vệ sinh đúng quy trình, các hộ chăn nuôi biết cách ủ phân nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng xấu từ chăn nuôi tới môi trường và sức khỏe con người.

- *Dự án Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt siêu thịt V52 ,V57, VSM6, và vịt BSM3  an toàn sinh học*: triển khai tại Đồng Nai, quy mô 8.500 con vịt siêu thịt VSM6. Kết quả cho thấy giống vịt siêu thịt VSM6 tăng trọng nhanh từ 8-10% trọng lượng so với vịt địa phương. Tỷ lệ nuôi sống đến xuất bán thịt (sau 7 tuần nuôi) rất cao từ 95,5% đến 97 %. Điều này cho thấy con giống chất lượng tốt và khả năng kháng bệnh cao. Khối lượng cơ thể (07 tuần nuôi) đạt từ 3,21 đến 3,22kg (định mức 3,20kg) vượt 100-200 gr. Tiêu tốn thức ăn: 2,55kg/01 kg tăng trọng.

***2.3. Lĩnh vực thủy sản:***

- *Dự án xây dựng mô hình nuôi biển Cá giò (Rachycentroncanadum)*: thực hiện tại tỉnh Khánh Hòa với quy mô 300 m3 lồng, năng suất đạt 10 kg/m3. Dự án triển khai giúp nghề nuôi cá Giò giảm thiểu rủi ro, tăng hiệu quả kinh tế, góp phần phát triển bền vững nghề nuôi cá lồng bè trên biển đảo tại Việt Nam.

- *Dự án xây dựng mô hình liên kết nuôi cá rô phi thâm canh ứng dụng công nghệ biofloc gắn với tiêu thụ sản phẩm*: thực hiện tại tỉnh Bắc Giang, với quy mô 1 ha, năng suất đạt được 28 tấn/ha. Dự án chuyển giao công nghệ biofloc vào các mô hình nuôi cá rô phi giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm góp phần tạo sản phẩm an toàn phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- *Dự án xây dựng mô hình sản xuất giống Nghêu (Meretrix lyrata) ở quy mô hàng hóa*: thực hiện tại tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế với quy mô 0,9 ha, năng suất đạt 800 triệu con giống cấp II/ha/đợt. Dự án thực hiện các mô hình chuyển giao công nghệ sản xuất giống nghêu ở quy mô hàng hóa, đảm bảo chất lượng và góp phần đáp ứng nhu cầu giống nghêu tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.

***2.4. Lĩnh vực lâm nghiệp:***

- *Dự án Trồng thâm canh cây Mắc ca*: đã xây dựng được 335 ha tại 2 vùng Tây Bắc (Sơn La, Điện Biên, Lai Châu) và Tây Nguyên (Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Nông trồng xen trong vườn cà phê). Dự án chuyển giao các giống TBKT (741, 695, 800, 900) và áp dụng quy trình thâm canh. Cây Mắc ca sinh trưởng và phát triển tốt, năng suất bình quân sau 5 năm đạt khoảng 1,5 tấn hạt/ha, tương đương mức thu nhập khoảng 150 triệu đồng/ha.

- *Dự án Trồng cây thâm canh Giổi ăn hạt*: triển khai tại các tỉnh Hòa Bình, Thanh Hóa, chuyển giao các TBKT về giống giổi ghép có năng suất và chất lượng cao. Kết quả hiện nay cho thấy cây Giổi sinh trưởng và phát triển tốt, dự kiến sau 5 năm, trung bình 01 ha Giổi cho thu hoạch từ 400- 500 triệu đồng/ha.

**3. Các dự án khuyến nông xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống người dân ở các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

***3.1. Lĩnh vực trồng trọt – BVTV:***

- *Dự án sản xuất lạc thương phẩm, năng suất theo chuỗi giá trị*: thực hiện tại một số tỉnh vùng Bắc Trung Bộ (Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị), quy mô 100 ha. Dự án đã chuyển giao kỹ thuật sản xuất các giống lạc mới cho năng suất cao, chất lượng tốt. Năng suất lạc bình quân đạt 3,73 tấn/ha (vượt yêu cầu dự án là 3 tấn/ha). Hiệu quả kinh tế tăng 30,6% so sản xuất ngoài mô hình, giúp nông dân tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo.

- *Dự án sản xuất thương phẩm ngô nếp, ngô ngọt và ngô sinh khối gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm* tại một số tỉnh phía Bắc (Hà Giang, Sơn La, Nam Định, Thanh Hóa và Nghệ An): quy mô thực hiện 232, chuyển giao kỹ thuật sản xuất các giống ngô mới có năng suất và hiệu quả cao. Mô hình ngô sinh khối năng suất đạt 55 - 60 tấn/ha, lãi thuần đạt cao hơn sản xuất ngô hạt từ 52 - 76%. Mô hình ngô ngọt cho năng suất từ 15 - 16 tấn/ha, lãi thuần cao hơn sản xuất ngô hạt từ 50 - 52%. Mô hình ngô nếp cho năng suất từ 10,4 - 11,0 tấn/ha, cho hiệu quả kinh tế cao hơn ngô lấy hạt từ 34 - 35%. Dự án đã có tác động về nhận thức đối với nông dân để chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Tổ chức liên kết với các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm, góp phần tăng thu nhập cho người nông dân tại các địa phương.

***3.2. Lĩnh vực chăn nuôi – thú y:***

- *Dự án chăn nuôi lợn sinh sản giống bản địa* (Lợn Lũng Pù, Lợn Mán, Lợn Mường Khương, lợn Hương, lợn Tạp Ná…): nhằm bảo tồn, duy trì, phát triển nguồn gen các giống lợn bản địa tại các địa phương, giúp người nông dân tận dụng được nguồn thức ăn sẵn có để tăng thu nhập, cải thiện đời sống. Kết quả, hiệu quả của mô hình: tổng số lợn con sinh ra: 932 con, tỷ lệ sống đạt 94,4%, trung bình 6,1 con/nái/lứa. Về hiệu quả kinh tế của các hộ trong mô hình trung bình tăng 19% so với trước đây. Nâng cao kiến thức cho người chăn nuôi lợn bản địa sinh sản theo hướng an toàn sinh học và đảm bảo vệ sinh môi trường, hạn chế dịch bệnh góp phần phát triển chăn nuôi bền vững.

***3.3. Lĩnh vực thủy sản:***

- *Dự án xây dựng mô hình nuôi tôm sú thâm canh 2 giai đoạn đảm bảo an toàn thực phẩm thực hiện tại tỉnh Cà Mau*: quy mô 1,5 ha, năng suất đạt trên 4,5 tấn/ha/vụ. Dự án triển khai góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, hạn chế lây lan dịch bệnh, góp phần xây dựng vùng nuôi thủy sản bền vững tại tỉnh Cà Mau, tạo sản phẩm an toàn chất lượng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- *Dự án xây dựng mô hình nuôi cá lồng bè trên sông và hồ gắn với tiêu thụ sản phẩm tại một số tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên*: thực hiện tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đắc Lắc, Gia Lai; quy mô 1.600 m3 lồng; năng suất cá thát lát cườm, cá lăng nha đạt 20 kg/m3. Dự án góp phần phát triển bền vững nghề nuôi cá lồng bè, nâng sao được sản lượng, chất lượng sản phẩm tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đồi sống cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- *Dự án Xây dựng mô hình nuôi cá rô phi (Oreochromis niloticus), cá nheo Mỹ (Ictalurus punctatus) đảm bảo an toàn thực phẩm bằng lồng trên sông và hồ chứa*: thực hiện tại tỉnh Lai Châu; quy mô 700 m3 lồng; năng suất cá nheo mỹ đạt 12 kg/m3. Dự án đã đánh thức được tiềm năng nuôi cá lồng bè trên hồ chứa, nuôi tận dụng tiềm năng diện tích mặt nước sẵn có, tăng thu nhập cho người sản xuất nâng cao đời sống nông dân quanh khu vực lòng hồ, góp phần xóa đói giảm nghèo, thực hiện thành công đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, ổn định an ninh trật tự đồng thời hướng tới phát triển nuôii thủy sản bền vững.

- *Dự án xây dựng mô hình nuôi thương phẩm Ngao giá gắn với tiêu thụ sản phẩm*: thực hiện tại tỉnh Quảng Ninh với quy mô 2 ha, năng suất đạt 4,9 tấn/ha. Dự án góp phần chuyển đổi đối tượng nuôi, sử dụng thức ăn tại chỗ có chất lượng ổn định và tốt làm cho nghề nuôi biển phát triển bền vững và thân thiện với môi trường.

**4. Các dự án, mô hình trình diễn khuyến nông hỗ trợ nông dân khôi phục sản xuất sau thiên tai**

- *Dự án xây dựng mô hình trồng cây che bóng nhằm hạn chế thiệt hại do sương muối và nâng cao hiệu quả canh tác cho cây cà phê chè*: thực hiện với quy mô 30 ha tại 2 tỉnh Sơn La và Điện Biên. Do ảnh hưởng của sương muối, nhiều diện tích cà phê bị cháy là và chết cây gây thiệt hại lớn cho sản xuất của nông dân. Dự án đã chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trồng cây che bóng (cây keo dậu và cây xoài) nhằm giảm thiểu tối đa tác hại do sương muối gây ra; áp dụng biện pháp kỹ thuật cưa đốn cải tạo và thâm canh đối với vườn cà phê bị ảnh hưởng nặng bởi sương muối; kỹ thuật thâm canh tổng hợp đối với vườn cà phê bị ảnh hưởng nhẹ. Kết quả cây cà phê sinh trưởng phát triển tốt; khả năng phục hồi ảnh hưởng của sương muối 80% sau 3 năm, cho năng suất 10 - 15 tấn quả tươi/ha; tỷ lệ che bóng đạt 40%, hạn chế sương muối 70%; tăng thu nhập từ cây xoài đạt 7 – 10 triệu đồng/ha.

**5. Các dự án, mô hình trình diễn khuyến nông phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản**

***5.1. Lĩnh vực trồng trọt – BVTV:***

- *Dự án xây dựng mô hình sản xuất giống sạch bệnh, thâm canh, quản lý tổng hợp phòng trừ bệnh khảm lá sắn do virus gây hại tại vùng trồng sắn trọng điểm*: triển khai tại 5 tỉnh Đồng Nai, Tây Ninh, Gia Lai, Đắk Lắk và Phú Yên, quy mô 120 ha. Sử dụng giống sắn KM140 sạch bệnh và áp dụng quy trình phòng chống bệnh khảm lá sắn. Kết quả mô hình đã cho thu hoạch tại xã Cư Mlan huyện Ea Súp tỉnh Đắk Lắk cho thấy ruộng mô hình tỷ lệ mắc bệnh khảm khoảng 5-15 %, trong khi đó diện tích sắn ngoài mô hình tỷ lệ nhiễm bệnh khảm lá sắn là 50-70%, năng suất sắn củ tươi đạt rất cao 45-50 tấn/ha, với giá bán tại thời điểm 2.000 đồng/kg; chi phí đầu tư 17 triệu/ha; lợi nhuận là 83 triệu/ha. Ngoài ra, mô hình còn cung cấp một lượng lớn hom giống sắn KM140 khỏe, có kiểm soát để trồng tại các tỉnh trong Vùng.

- *Dự án Xây dựng mô hình liên kết chuỗi sản xuất và tiêu thụ thanh long bền vững*: triển khai tại 3 tỉnh Bình Thuận, Long An, Tiền Giang, quy mô 116ha. Áp dụng quy trình quản lý dịch hại tổng hợp trên vườn thanh long (biện pháp cắt tỉa cành già, cành bệnh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hợp lý nhằm hạn chế bệnh đốm nâu, thối rễ, chết cành, thán thư, thối cành, thối trái...). Năng suất vụ mùa của mô hình đạt từ 12,5 đến 13,6 tấn/ha, cao hơn đối chứng 11,0 đến 14,0%. Trong vụ nghịch, năng suất mô hình đạt 18,8 đến 19,5 tấn/ha, cao hơn ngoài mô hình từ 13,3 đến 14,7%. Tỷ lệ quả loại 1 cao hơn, mẫu mã quả đẹp hơn, tăng sản lượng quả đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Kết quả thu được từ các mô hình cho thấy việc áp dụng đúng các biện pháp kỹ thuật thâm canh, kỹ thuật phòng chống bệnh hại kịp thời đã giúp người nông dân nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích, góp phần sản xuất thanh long bền vững phục vụ xuất khẩu.

***5.2. Lĩnh vực chăn nuôi – thú y:***

- *Dự án xây dựng mô hình chăn nuôi lợn và gia cầm an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu*: triển khai trên địa bàn 4 tỉnh gồm Thanh Hóa, Hà Nam, Nam Định và Thái Bình với hai đối tượng vật nuôi là lợn và gia cầm. Dự án đã xây dựng được 15 cơ sở chăn nuôi lợn thịt được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh dịch tả và lở mồm long móng (tổng đàn là 6.644 con lợn) và 5 cơ sở chăn nuôi gà được chứng nhận an toàn dịch bệnh với hai bệnh Cúm gia cầm và Newcasstle (tổng đàn 54.000 con gà). Các cơ sở tham gia mô hình không bị lây nhiễm và phát sinh dịch nên hoạt động chăn nuôi ổn định và thuận lợi trong việc lưu thông buôn bán và vận chuyển nên hầu hết các hộ chăn nuôi đều đạt hiệu quả cao (hiệu quả kinh tế tăng từ 15 - 20%). Các cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh là tấm gương, điển hình tiên tiến cho người chăn nuôi tin tưởng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong phòng chống dịch bệnh.

- *Dự án chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ*: dự án đã chuyển giao một số biện pháp kỹ thuật tổng hợp về an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn để phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi. Dự án được triển khai có hiệu quả cao, đặc biệt trong thời điểm dịch tả lợn Châu Phi bùng phát. Tất cả các hộ tham gia dự án đều an toàn, không xảy ra dịch bệnh trong khi các hộ xung quanh đã xảy ra dịch tả lợn Châu phi. Chỉ tiêu kinh tế đạt: tỷ lệ nuôi sống 100%, khả năng tăng khối lượng >650 g/con/ngày, tiết kiệm được1.387 lít nước/con, chất lượng thịt được nâng lên, giá bán cao hơn so với thịt lợn chăn nuôi truyền thống 20-30% tùy từng thời điểm. Đến nay dự án đã nhân rộng ra 8 tỉnh với quy mô 2.145 con/lứa.

***5.3. Lĩnh vực thủy sản:***

- *Dự án xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Hồng mỹ, cá Chẽm trong các ao/hồ gắn với tiêu thụ sản phẩm*: thực hiện tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Ninh, Ninh Bình với quy mô 11 ha; năng suất: cá chẽm 9,06 tấn/ha; cá hồng mỹ 11,5 tấn/ha. Dự án xây dựng mô hình nuôi cá Hồng mỹ, cá Chẽm kết hợp với vùng nuôi tôm thâm canh hạn chế dịch bệnh tăng hiệu quả kinh tế và giảm ô nhiễm môi trường.

**6. Các dự án, mô hình trình diễn khuyến nông ứng phó với BĐKH và bảo vệ môi trường sinh thái:**

***6.1. Lĩnh vực trồng trọt – BVTV:***

- *Dự án liên kết sản xuất lúa gạo hữu cơ theo chuỗi giá trị*: Dự án đã chuyển giao kỹ thuật sản xuất hữu cơ từ việc chuyển đổi đất, sử dụng giống, phân bón hữu cơ vi sinh, thuốc BVTV sinh học, không dùng thuốc trừ cỏ và thuốc BVTV hóa học. Quy mô sản xuất 180 ha, sản lượng đạt trên 1.080 tấn lúa đạt tiêu chuẩn lúa hữu cơ, doanh nghiệm bao tiêu sản phẩm cho nông dân đạt 80%. Hiệu quả sản xuất của mô hình đạt 33,4 triệu đồng/ha, cao hơn ngoài mô hình 12,8%. Sau mỗi vụ, trên ruộng xuất hiện nhiều cá, cua và các sinh vật khác, góp phần bảo vệ môi trường hệ sinh thái ruộng lúa nước.

***6.2. Lĩnh vực chăn nuôi – thú y:***

- *Dự án Cải tạo đàn dê, cừu bằng biện pháp luân chuyển đực giống chất lượng tốt và áp dụng các biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng để đạt năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu*: Dự án triển khai tại 5 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Khánh Hòa và Bình Thuận với quy mô 222 con dê Boer và lai Boer, 88 con cừu giống Dorper và lai Dorper. Kết quả cho thấy, việc chuyển giao các giống dê, cừu khá thích nghi với điều kiện biến đổi khí hậu tại các tỉnh vùng Duyên Hải Nam trung bộ. Chỉ tiêu KTKT đạt được: Tỷ lệ nuôi sống của đàn dê đạt 97,7%, của đàn cừu đạt 95,7%; Khối lượng dê con sơ sinh đạt trung bình 2,52kg/con cái và 2,9kg/con đực; khối lượng cừu con sơ sinh đạt trung bình 2,34kg/con đực và 1,85kg/con cái. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế trong việc luân chuyển đực giống tránh cận huyết, tận dụng nguồn thức ăn thô, xanh, chăn nuôi còn theo hướng tự phát, chưa có quy hoạch vùng và định hướng phát triển chăn nuôi cụ thể.

- *Dự án Phát triển mô hình chăn nuôi vịt Biển đảm bảo an toàn sinh học*: Dự án đã chuyển giao giống vịt biển có khả năng thích nghi với nhiều vùng sinh thái. Đặc biệt thích hợp với vùng duyên hải miền Trung do có khả năng chống chịu thời tiết khắc nghiệp và có khả năng kiếm mồi. Đàn vịt sinh trưởng, phát triển tốt, tỷ lệ nuôi sống từ 96,80%, khối lượng đạt từ 3,25 kg/con. Như vậy vịt Biển nuôi tại mô hình đều có kết quả rất tốt tại các địa bàn triển khai, vịt nuôi nhanh lớn, hao hụt ít, chất lượng con giống tốt. Vịt có khả năng thích nghi cao, nuôi được trong các môi trường nước ngọt, nước mặn và nước lợ. Vịt Biển có chất lượng thịt thơm ngon, được người dân ưa chuộng. Hiệu quả mô hình cao hơn so với chăn nuôi vịt truyền thống 18,25 % tạo thêm công ăn việc làm góp phần xây dựng nông thôn mới tại địa phương triển khai dự án.

***6.3. Lĩnh vực thủy sản:***

- *Dự án xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh 2 giai đoạn ứng dụng công nghệ 4.0 kết hợp hầm Biogas xử lý môi trường*: triển khai tại huyện Cầu Ngang và thị xã Duyên Hải, Trà Vinh quy mô 2ha với 600.000 con tôm giống. Thu hoạch, trọng lượng bình quân 46 con/kg, tỷ lệ sống đạt 88%, năng suất >40 tấn/ha, các mô hình này đều an toàn dịch bệnh, giảm ô nhiễm môi trường và lây lan dịch bệnh.

Dự án*xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh toàn đực thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với tiêu thụ sản phẩm* thực hiện tại Trà Vinh: Triển khai tại xã Kim Sơn và xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, Trà Vinh với quy mô 07 ha. Tất cả các mô hình đều không xảy ra dịch bệnh, đạt hiệu quả, lợi nhuận tăng gấp 4-5 lần so với trồng lúa trước đây. Sau 7 tháng nuôi, trọng lượng tôm trung bình 45g/con; Năng suất  1,4 tấn/ha, lợi nhuận ước đạt trên 112 triệu đ/ha.

- *Dự án xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh toàn đực trên đất lúa chuyển đổi gắn với tiêu thụ sản phẩm*: thực hiện tại tỉnh Quảng Bình, quy mô 3 ha, năng suất đạt 1,6 tấn/ha. Dự án giúp phát triển đối tượng nuôi phù hợp với diện tích đất lúa chuyển đổi tại Quảng Bình, góp phần gia tăng hiệu quả kinh tế trên vùng đất chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu, đem lại hiệu quả kinh tế cao, nâng cao đời sống của người dân.

- *Dự án xây dựng mô hình cá – lúa*: thực hiện tại tỉnh Hà Nam, quy mô 3 ha, năng suất: cá chẽm 8,4 tấn/ha. Dự án triển khai giúp nâng cao hiệu quả sản xuất trên đất lúa, tạo sản phẩm an toàn, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

***6.4. Lĩnh vực lâm nghiệp:***

- Các dự án về trồng rừng, đã triển khai thực hiện 5 dự án “Xây dựng mô hình trồng rừng cây gỗ lớn thâm canh” bằng Các loài cây như Keo tai tượng, Keo lai, Bạch đàn lai, Tràm lá dài... Dự án đã xây dựng thực hiện với quy mô 650 ha tại các tỉnh Yên Bái, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định, Phú Yên, Long An, Kiên Giang... áp dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật từ khâu giống, kỹ thuật trồng, chăm sóc... Kết quả cây sinh trưởng và phát triển tốt, năng suất trung bình đạt từ 30-35 m3/ha/năm, hiệu quả tăng từ 20-25% so với các mô hình đại trà. Sau 7-8 năm khai thác, lãi từ 70-80 triệu đồng/ha. Các dự án đã góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái, đồng thời cung cấp nguyên liệu gỗ dăm, gỗ ván, gỗ xẻ phục vụ trong nước và xuất khẩu.

**V. Kết quả các nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên**

**1. Thông tin tuyên truyền khuyến nông**

Năm 2020, hoạt động thông tin tuyên truyền đã bám sát các định hướng, chỉ đạo của Bộ, Ngành để ứng phó với các thiên tai, dịch hại đối với sản xuất nông nghiệp như: bão lũ miền Trung, hạn hán khu vực miền Trung và Tây Nguyên hay xâm nhập mặn khu vực ĐBSCL... dịch bệnh trên người, trên vật nuôi, cây trồng; bằng nhiều hình thức như thông tin tuyên truyền qua ấn phẩm, tổ chức sự kiện hay phối hợp với truyền thông đại chúng đã nhanh chóng chuyển tải những thông tin chỉ đạo sản xuất của Bộ, hướng dẫn kỹ thuật của ngành giúp bà con nông dân, cán bộ kỹ thuật cơ sở khắc phục khó khăn, giảm thiểu tổn thất do thiên tai và phục hồi sản xuất nông nghiệp tại các địa phương.

***- Hoạt động in và phát hành ấn phẩm khuyến nông:***

+ *Bản tin Khuyến nông Việt Nam*: Biên tập, xuất bản và phát hành 10 số Bản tin Khuyến nông Việt Nam với số lượng 5.000 bản/số, đăng tải gần 850 tin, bài. Phát hành tới 4.310 địa chỉ đến cấp xã, thôn, bản, câu lạc bộ khuyến nông, khuyến nông viên cơ sở, xã nông thôn mới trên địa bàn nước.

+ *Ấn phẩm khuyến nông*: Nội dung tập trung vào những tiến bộ kỹ thuật đã được Bộ công nhận; giới thiệu giống mới, quy trình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu. Đã xây dựng và phát hành 24 đầu ấn phẩm với số lượng 175.865 bản để hướng dẫn kỹ thuật và khắc phục thiên tai, dịch hại kịp thời. Trong đó 2 loại sách mỏng 5.500 bản; 16 loại tờ gấp (168.200 bản) và 2.000 bản Lịch khuyến nông, Bộ nhận diện KNQG: 165 cuốn. Tiếp tục hỗ trợ các địa phương xây dựng "Tủ sách khuyến nông" tại 120 xã điểm nông thôn mới, mỗi tỉnh/thành phố có 02 xã.

***- Phối hợp tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng:***

Phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng tuyên truyền 273 Chương trình trên truyền hình với 76 giờ phát mới; 396 Chương trình phát thanh với 59 giờ phát mới; 7.201 tin, bài, ảnh trên báo giấy với 1.672 chuyên trang; 1.920 tin, bài, ảnh trên báo điện tử.

+ Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền khuyến nông trên sóng truyền hình, cụ thể: Tuyên truyền 20 chuyên đề trên VTV1; 62 số trên VTV2 với các Chuyên mục "*Nhịp cầu Khuyến nông*"; Chuyên mục "*Diễn đàn khuyến nông liên kết bốn nhà*"; 10 số Chương trình "*Tiêu điểm kinh tế*" trên Truyền hình Thông tấn và 20 số Chương trình "*Nông nghiệp chuyển động*" trên Truyền hình Nhân dân; 24 chương trình "*Mùa vàng bội thu*" trên VTV9; 88 số Tạp chí Khuyến nông và Phóng sự trên VTC16.

+ Đẩy mạnh tuyên truyền đến các vùng lõm, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Phối hợp với Đài tiếng nói Việt Nam (VOV1, VOV4) tuyên truyền 396 chương trình, trong đó 279 chương trình phát sóng bằng 11 ngôn ngữ dân tộc thiểu số các khu vực Tây Bắc (Thái, Mông, Dao), Tây Nam bộ (Khơ me), Miền trung - Tây Nguyên (Cơtu, Ê đê, Gia Rai, BaNa, XơĐăng, Kơho, Mơ Nông) với tổng thời lượng 59 giờ phát sóng (phát mới) đã góp phần đưa thông tin khoa học kỹ thuật đến với bà con người dân tộc.

- Trang web Khuyến nông Việt Nam tiếp tục duy trì và xây dựng nhiều tính năng mới hữu ích như:

+ Xây dựng chuyên mục "*Chủ đề nóng*" với các tin, bài về các vấn đề cấp bách trong sản xuất nông nghiệp như hạn hán, xâm nhập mặn, quản lý sử dụng chất cấm trong chăn nuôi và thủy sản,... Đăng tải gần 200 clip thời tiết nông vụ, khuyến cáo nông dân những lưu ý trong sản xuất nông nghiệp thích ứng với diễn biến thời tiết.

+ Duy trì và cập nhật Thư viện Khuyến nông với tổng số: 290 đĩa hình,163 đầu sách khuyến nông, 93 số Bản tin Khuyến nông Việt Nam. Có ấn phẩm đạt lượt xem/tải lên đến 13.206 lượt; lượt xem/tải đĩa hình nhiều nhất 5.790 lượt/đĩa.

+ Đã cập nhật 2.700 tin, bài, ảnh trên 32 chuyên mục, thu hút trên 2,5 triệu lượt người truy cập (bình quân 15 nghìn lượt/ngày). Trong đó những chuyên mục có lượng truy cập lớn như "*Thông tin huấn luyện*", "*Chuyển giao TBKT*", "*Thông tin thị trường*", "*Tình hình dịch hại*", "*Gương sản xuất giỏi*"…

+ Có 206 trang web đặt liên kết đến Cổng Thông tin điện tử “Khuyếnnông Việt Nam”.

***- Tổ chức sự kiện khuyến nông:***

Năm 2020, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thành công 67 sự kiện khuyến nông, cụ thể:

+ 26 Diễn đàn với 140 lượt tỉnh/thành; 5.015/4.700 đại biểu, đạt 107%, trong đó nông dân có 3.497/3.480, đạt 101%; 936 câu hỏi đáp tại Diễn đàn; 5.200 cuốn kỷ yếu Diễn đàn; 23 tọa đàm (gần 1.140 đại biểu, trong đó có 860 nông dân); 15 hội nghị, hội thảo, 2 hội chợ, 1 sự kiện (Lễ hội Gà). Trong số đó, tổ chức các sự kiện đột xuất chiếm 30% nhằm ứng phó kịp thời, khắc phục tình hình thiên tai, dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu…

+ 23 tọa đàm khuyến nông tại hiện trường ở 63 lượt đơn vị tham gia, tham dự. Phát sóng trên kênh VTV2, VTV9, kênh VTC16. Với 1.640 đại biểu tham gia trực tiếp (trong đó có 1.020 đại biểu là nông dân).

+ 02 Hội chợ Nông nghiệp và triển lãm sản phẩm OCOP tại các vùng sinh thái: Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng với quy mô gần 400 gian hàng, trong đó có hơn 140 gian hàng nông nghiệp.

+ 15 hội nghị, hội thảo, trong đó gồm: 3 hội thảo giới thiệu tiến bộ kỹ thuật lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản tại 3 vùng Bắc, Trung, Nam. Kết quả giới thiệu gần 100 tiến bộ kỹ thuật. Tổ chức 01 hội thảo khuyến nông đô thị, với sự tham gia của 22 Trung tâm khuyến nông là thành viên câu lạc bộ. Tổ chức 01 hội nghị giao ban hoạt động khuyến nông. Phối hợp với Cục Trồng trọt tổ chức 3 hội nghị thúc đẩy phát triển sản xuất cây ăn quả trong cả nước. Tổ chức 5 hội thảo tuyên truyền về ngô sinh khối, giống cây trồng. Tổng số có 2.032 đại biểu, trong đó có 660 đại biểu là nông dân, đạt 100%.

Đặc biệt trong năm 2020, Trung tâm KNQG đã phối hợp với Sở NN & PTNT tỉnh Bình Định tổ chức thành công Sự kiện quảng bá sản phẩm gà tại Bình Định năm 2020 với trên 600 đại biểu của các tỉnh DHNTB và Tây Nguyên tham dự, dưới sự chủ trì của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Nguyễn Xuân Cường và Phó Chủ tịch tỉnh Bình Định Trần Châu.

**2. Đào tạo huấn luyện khuyến nông**

- Năm 2020, Trung tâm khuyến nông Quốc gia (KNQG) phối hợp với các đơn vị tham gia hoạt động khuyến nông tổ chức được 259 lớp tập huấn TOT cho 9.525 lượt cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông các cấp, trong đó:

+ Tập huấn nghiệp vụ phương pháp khuyến nông: 32 lớp cho 1.110 học viên; 05 lớp Tập huấn giảng viên khuyến nông về nghiệp vụ và phương pháp khuyến nông; 03 lớp tập huấn quản lý dự án khuyến nông cho chủ nhiệm, cán bộ dự án khuyến nông; 12 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ HTX nông nghiệp, xã nông thôn mới về khuyến nông; 04 lóp tập huấn phương pháp, kỹ năng truyền thông trong khuyến nông ; 04 lớp tập huấn phương pháp kỹ năng tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; 04 lớp Tập huấn Phương pháp, kỹ năng chuyển giao, tư vấn tiến bộ kỹ thuật cho cán bộ khuyến nông chủ chốt tại Miền Bắc, Miền Trung, Tây Nguyên và Miền Nam.

+ Tập huấn bồi dưỡng cập nhật kỹ thuật nông lâm thủy sản: 104 lớp cho 3.450 lượt học viên. Nội dung đào tạo bồi dưỡng cập nhật các tiền bộ kỹ thuật mới cho đối tượng chuyển giao và nhận chuyển giao trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản và công nghệ sau thu hoạch.

+ Tập huấn FCV 109 lớp cho 4.905 lượt học viên. Các khóa tập huấn, tư vấn kỹ thuật, tổ chức sản xuất giữa chuyên gia, cán bộ và người sản xuất thực hiện tại hiện trường.

- Tổ chức 08 đoàn khảo sát học tập các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả điển hình cho 240 học viên tham gia;

- Phối hợp với cục Kinh tế Hợp tác thực hiện 09 lớp Chương trình Đào tạo cán bộ HTX trong khuôn khổ chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, xây dựng đĩa hình truyền thông trong chương trình giảm nghèo, thực hiện các hoạt động đào tạo, tập huấn khuyến nông của dự án VNSAT,...

Để nâng cao hiệu quả hoạt động, trong năm 2020 công tác đào tạo huấn luyện khuyến nông tiếp tục đổi mới mạnh mẽ cả về nội dung và phương thức hoạt động, cụ thể:

+ Đổi mới nội dung đào tạo: tập trung vào các nội dung trọng tâm, trọng điểm phục vụ Đề án tái cơ cấu ngành; sản xuất nông sản an toàn, chất lượng cao phục vụ xuất khẩu; ưu tiên nội dung khắc phục thiên tai (khắc phục hạn mặn, Covid-19, khôi phục sản xuất sau bão lũ cho các tỉnh miền trung). Năm 2020 đã thực hiện 04 lớp Tập huấn Phương pháp, kỹ năng chuyển giao, tư vấn tiến bộ kỹ thuật, lớp học di động, đào tạo trên nhiều tỉnh khác nhau gắn lý thuyết với thực tế mô hình điển hình sản xuất. Đây là nội dung mới về chuyên môn, rất thiết thực để trang bị cho hệ thống khuyến nông các cấp.

+ Đổi mới phương pháp đào tạo: Hạn chế tối đa giảng dạy lý thuyết, chuyển sang đào tạo tư vấn tại hiện trường. Năm 2020 mỗi tỉnh có một lớp giảng dạy tư vấn tại hiện trường FCV (hỏi đáp, tư vấn, thực hành).

+ Giảm dần nội dung đào tạo kỹ thuật sang đào tạo tổ chức sản xuất bao gồm nội dung: Tổ chức, liên kết sản xuất, mã vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc, chuỗi liên kết sản xuất. Tăng cường vai trò kết nối của hoạt động khuyến nông trong các hoạt động này.

+ Tăng cường hợp tác PPP với doanh nghiệp, tổ chức quốc tế để huy động các nguồn lực trong đào tạo chuyển giao khuyến nông: Phối hợp với Sengenta Việt Nam, Quĩ Syngen Foundation tổ chức lớp tập huấn cho cán bộ KN 12 tỉnh miền núi phía Bắc về “Thực hành nông nghiệp tốt - VietGAP”, phối hợp công ty Bayer tập huấn sử dụng thuốc BVTV, sức khỏe phụ nữ tại Nam Bộ,…

**3. Hợp tác quốc tế về khuyến nông**

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, trong năm 2020 Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã có những đổi mới, sáng tạo nhằm duy trì các hoạt động hợp tác quốc tế về khuyến nông với các tổ chức quốc tế để tiếp tục thu hút nguồn lực tham gia hoạt động khuyến nông trên nhiều lĩnh lực, cụ thể:

- *Xây dựng và ban hành khung hợp tác PPP trong khuyến nông* được khối công và khối tư nhân ủng hộ, theo đó Trung tâm đã ký nhiều thỏa thuận MOU song phương và đa phương với các tổ chức.

- *Tổ chức hội thảo PPP tại Đắk Lắk:* qua hội thảo Trung tâm đã ký MOU với một số đơn vị như: CDC, GCP, UN women, Tập đoàn Quế Lâm, Syngenta, Bayer,.... và ban hành nguyên tắc hợp tác PPP.

*- Dự án Beyer:* Hợp tác với công ty Bayer thực hiện Dự án Hợp tác công - tư (PPP) hỗ trợ nông hộ sản xuất nhỏ ứng phó với đại dịch Covid-19 và hạn mặn qua hỗ trợ kỹ thuật, cấp thuốc BVTV, ngô giống cho 80.00 nông dân tại 05 tỉnh ĐBSCL (Cà Mau, Kiên Giang, Bến Tre, Tiền Giang, Long An) và 02 tỉnh Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu).

*- Dự án Sản xuất vừng bền vững tại Việt Nam:* Tổ chức hội thảo Việt - Hàn về sản xuất vừng bền vững tại Nghệ An, số lượng đại biểu tham dự 130 đại biểu. Tại hội thảo các đại biểu đã thảo luận một số nội dung liên quan đến thực trạng sản xuất, nghiên cứu, chính sách phát triển vừng và các khuyến nghị hợp tác của hai bên để phát triển vừng trong thời gian tới.

*- Dự án Chuyển giao công nghệ tiên tiến, nâng cao giá trị gia tăng nông sản và quản lý trang trại bền vững thông qua tăng cường chuỗi giá trị thực phẩm* (JICA tài trợ): Bộ đã ban hành Quyết định số 3857/QĐ-BNN-HTQT ngày 28/9/2020 phê duyệt văn kiện Dự án và công văn gửi UBND các tỉnh cam kết vốn đối ứng để triển khai thực hiện Dự án. Hiện tại Dự án chờ phía JICA thẩm định phê duyệt.

*- Dự án HSI*: Họp xây dựng nội dung cuốn sách mỏng và tổ chức 01 chuyến khảo sát tại Bình Định. Do dịch Covid 19 nên không tổ chức các đoàn đi khảo sát và Hội thảo.Hội Thảo về phúc lợi động vật kết nối doanh nghiệp chưa thực hiện được do Các chuyên gia từ Mỹ chưa sang được.

*- Dự án EPT2 - hợp tác với FAO:*

+ Tổ chức 01 Diễn đàn về Sản xuất Giống và ATSH trong chăn nuôi gia cầm tại Vĩnh Phúc; 2 Hội thảo Truyền thông về tài liệu thực hành tốt và ATSH trong chăn nuôi gia cầm tại Bình Định, Hải Phòng.

+ Tổ chức 10 lớp tập huấn nâng cao nhận thức về kháng kháng sinh, sử dụng kháng sinh và ATSH trong chăn nuôi cho 350 cán bộ khuyến, cán bộ thú y, hộ chăn nuôi tại Tiền Giang, Đồng Tháp, Bình Định, Ninh Thuận, Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Nam, Thái Bình, Bắc Ninh, Hải Dương.

+ Xây dựng 1 phim kỹ thuật về thực hành tốt và ATSH để giảm thiểu kháng sinh trong chăn nuôi.

**VI. Tham gia thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Bộ, ngành**

Bên cạnh công tác chuyên môn về khuyến nông, theo chỉ đạo của Bộ, trong năm 2020 Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Bộ, ngành, cụ thể:

- Tham gia các hội nghị sơ kết sản xuất của Bộ: Hội nghị sơ kết vụ Đông, Hội nghị sơ kết vụ Đông xuân, Hội nghị sơ kết vụ Hè thu + Mùa, Hội nghị phát triển sản xuất ngô sinh khối, Hội nghị giao ban kết quả sản xuất 2020 và kế hoạch 2021, Hội nghị về bệnh khảm lá sắn, Hội nghị khôi phục sản xuất sau bão lũ của Bộ,…

- Phối hợp với Cục Trồng trọt tổ chức 03 hội nghị thúc đẩy phát triển bền vững: hội nghị chè tại Thái Nguyên, hội nghị chanh leo và dứa tại Gia Lai, hội nghị cây có múi tại Hòa Bình;

- Tuyên truyền khắc phục hạn mặn khu vực ĐBSCL: Tổ chức tọa đàm trên VTV9 về chủ đề hạn mặn: *Ứng phó với hạn mặn trên cây ăn quả vùng ĐBSCL*, được tổ chức kịp thời ngay từ đầu năm tại Tiền Giang; diễn đàn *Giải pháp phòng chống hạn mặn trên cây ăn quả vùng đồng bằng sông Cửu Long* tại Hậu Giang; In và phát hành 60.000 tờ gấp Hướng dẫn kỹ thuật canh tác lúa và cây ăn trái trong điều kiện hạn, mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long cho 13 tỉnh/thành vùng ĐBSCL.

- Đẩy mạnh sản xuất cây vụ Đông: In và phát hành 07 đầu tờ gấp với 50.200 bản về sản xuất cây vụ Đông để phục vụ Hội nghị sản xuất cây vụ Đông do Bộ Nông nghiệp & PTNT tổ chức và phát hành tới 31 tỉnh/thành phía Bắc nhằm hướng dẫn kỹ thuật trồng cây vụ Đông thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tuyên truyền về khắc phục, khôi phục sản xuất nông nghiệp sau bão lũ của khu vực miền Trung: Tổ chức 02 Tọa đàm Bàn biện pháp phục hồi cây bưởi thanh trà và hồ tiêu sau bão, lũ tại Thừa Thiên Huế và Quảng Trị. In và phát hành 9.000 tờ gấp về Hướng dẫn khôi phục sản xuất sau bão lũ để phục vụ Hội nghị Thúc đẩy phục hồi sản xuất nông nghiệp khu vực miền Trung sau thiên tai do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức tại Quảng Trị, phát hành tới 04 các tỉnh miền Trung (Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Hà Tĩnh, Quảng Bình).

- Phối hợp với truyền thông để đưa tin và tuyên truyền các chỉ đạo sản xuất của các đoàn công tác do Lãnh đạo Bộ chủ trì tại địa phương với 15 phóng sự trên VTV1; 105 tin bài trên các Báo NNVN, NTNN, Đài tiếng nói Việt Nam, truyền hình Nhân dân.

- Tham dự Hội nghị Triển khai các giải pháp phòng chống bệnh Cúm gia cầm, bệnh dịch tả lợn Châu Phi và các bệnh trên đàn gia súc năm 2020 do Bộ trưởng chủ trì.

- Tham gia đoàn công tác của Lãnh đạo Bộ: Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Nghệ An, Thanh Hóa, Hòa Bình, Nam Định, Bắc Giang, Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Thái Bình..... về kiểm tra tình hình chăn nuôi.

- Trưởng Khối thi đua các đơn vị sự nghiệp kinh tế, chủ trì, phối hợp với các đơn vị thành viên trong Khối tổ chức các hoạt động hỗ trợ xã Liên Chung – huyện Tân Yên – tỉnh Bắc Giang xây dựng nông thôn mới. Trung tâm KNQG đã hỗ trợ xây dựng Tủ sách khuyến nông với 50 đầu ấn phẩm.

**Phần II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2021**

**I. Dự báo bối cảnh năm 2021**

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp và rất khó kiểm soát, sẽ làm ảnh hưởng sâu sắc đến phát triển kinh tế cũng như đời sống xã hội.

- Tình hình biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt, diễn biến thời tiết khí hậu thất thường, bão lũ xảy ra ảnh hưởng nhiều đến mùa vụ sản xuất, gây thiệt hại cả về sản xuất và đời sống của bà con nông dân.

- Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản còn diễn biến phức tạp, chưa có khả năng kiểm soát và tiềm ẩn nhiều nguy cơ trong bối cảnh ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu ngày càng sâu sắc.

- Hội nhập kinh tế quốc tế vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với nông sản Việt Nam. Nông sản Việt Nam được đánh giá là vẫn còn tiềm năng và dư địa để phát triển. Tuy nhiên, nông sản Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là về kiểm soát chất lượng đảm bảo các tiêu chuẩn xuất khẩu và tổ chức lại sản xuất nhằm đảm bảo số lượng và chủng loại sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.

Những bối cảnh nêu trên sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến nhu cầu hoạt động khuyến nông cũng như phương pháp chuyển giao nhằm hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển đáp ứng nhu cầu thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

**II. Kế hoạch khuyến nông trung ương năm 2021**

Năm 2021, theo số giao dự toán, kinh phí dành cho hoạt động khuyến nông là 240 tỷ, giảm 10 tỷ so với năm 2020.

Căn cứ vào quyết định và thuyết minh dự án giai đoạn 2019-2021 và giai đoạn 2020-2022 đã được phê duyệt và danh mục dự án giai đoạn 2021-2023 (54 dự án), Trung tâm đã trình Bộ phân bổ kinh phí cho các dự án, nhiệm vụ. Cụ thể như sau:

**1. Kế hoạch các dự án khuyến nông trung ương**

- Dự án chuyển tiếp thực hiện năm 2021: Tổng số có 91 dự án, kinh phí 137,996 tỷ đồng, trong đó Trung tâm quản lý 61 dự án, kinh phí 83,796 tỷ. Trung tâm tiếp tục hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch năm và triển khai thực hiện.

- Dự án mở mới giai đoạn 2021-2023: theo Quyết định số 3969/QĐ-BNN-KN ngày 08/10/2020, Quyết định số 4826/QĐ-BNN-KN Phê duyệt Danh mục dự án khuyến nông Trung ương, giai đoạn 2021-2023 gồm 54 dự án, Trung tâm đang tiến hành tổ chức thẩm định, đánh gía hồ sơ đăng ký chủ trì, chủ nhiệm dự án. Dự kiến sẽ trình Bộ phê duyệt trước 31/12/2020, kinh phí khoảng 178,5 tỷ đồng, trong đó năm 2021 là 39,0 tỷ đồng.

**2. Kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên**

Trung tâm đã trình Bộ kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên năm 2021 với tổng kinh phí 55,2 tỷ đồng (trong đó: nhiệm vụ thông tin tuyên truyền 28,0 tỷ đồng, đào tạo huấn luyện 20,0 tỷ đồng và kinh phí mua sắm sửa chữa, quản lý kiểm tra 7,2 tỷ đồng), để thực hiện các hoạt động sau:

***2.1. Thông tin tuyên truyền:***

- Thông qua các kênh truyền thông cung cấp cho người sản xuất và người dân nói chung, cán bộ cơ sở, các doanh nghiệp và nhà quản lý lượng thông tin đa dạng dưới nhiều hình thức thể hiện: Báo nói, báo viết, báo hình, báo điện tử… thông qua các sự kiện khuyến nông, các ấn phẩm khuyến nông theo mùa - vụ và vùng miền nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến nông phục vụ tái cơ cấu ngành và xây dựng nông thôn mới.

- Tổ chức in và phát hành ấn phẩm khuyến nông, xuất bản 10 số Bản tin "Khuyến nông Việt Nam", phát hành 5.000 cuốn/số,.. Duy trì và cập nhật 1.500 tin bài, ảnh trên website Khuyến nông Việt Nam;

- Tổ chức 29 sự kiện khuyến nông trên toàn quốc (01 hội chợ và 24 diễn đàn, tọa đàm, 04 hội nghị, hội thảo) với các chủ đề nhằm thúc đẩy phát triển các cây - con chủ lực trong 3 nhóm sản phẩm chính đó là: Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia; nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh/ thành phố và nhóm sản phẩm vùng/miền, phòng chống dịch bệnh, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng.

- Phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng trên cả 3 lĩnh vực Báo hình (các kênh truyền hình VTV1, VTV2, VTC16,...), Báo Viết (Báo Nông nghiệp Việt Nam, Báo Nông thôn ngày nay...), đài Phát thanh (VOV1, VOV4, các đài khu vực...,) để tuyên truyền 1.000 chuyên trang và khoảng 10.000 tin, bài, ảnh.

***2.2. Đào tạo huấn luyện:***

- Tổ chức thực hiện 236 lớp đào tạo cho trên 8.640 lượt học viên. Trong đó 1.290 học viên tập huấn nghiệp vụ, phương pháp khuyến nông; 7.350 lượt học viên được tập huấn chuyển giao TBKT.

- Xây dựng học liệu: xây dựng 15 video kỹ thuật chuyên ngành, xây dựng và in 02 bộ tài liệu tập huấn kỹ thuật.

- Khảo sát, học tập trong nước: tổ chức 32 đoàn khảo sát học tập trong nước, tham quan chéo mô hình tổ chức sản xuất, liên kết và tiến bộ kỹ thuật.

- Hợp tác quốc tế về khuyến nông: Tổ chức 02 đoàn khảo sát, học tập nước ngoài. Tổ chức tập huấn cho cán bộ khuyến nông các nước ASEAN. Tổ chức hội thảo quốc tế về hợp tác PPP trong hoạt động khuyến nông. Tham gia các hoạt động thường niên về nông nghiệp và khuyến nông các nước ASEAN.

***2.3. Hoạt động khuyến nông thường xuyên khác:***

- Tiếp tục cải tạo, nâng cấp văn phòng làm việc và trang thiết bị hoạt động khuyến nông để đảm bảo điều kiện làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khuyến nông,...

Sau khi được Bộ phê duyệt, Trung tâm KNQG phân bổ kinh phí, hướng dẫn các đơn vị tổ chức thực hiện theo quy định.

**3. Kế hoạch xây dựng cơ chế chính sách về khuyến nông**

- Xây dựng Chiến lược phát triển khuyến nông Việt Nam giai đoạn 2021- 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 theo chỉ đạo của Thứ trưởng Lê Minh Hoan, trình Bộ phê duyệt.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi và xây dựng mới các định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông phục vụ các hoạt động khuyến nông trung ương và khuyến nông địa phương.

**III. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông**

1. **Củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức khuyến nông các cấp**

- Tiếp tục đổi mới, cùng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức khuyến nông các cấp theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của BCH Trung ương Khóa XII đảm bảo các yêu cầu: tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, công tác quản lý và tổ chức thực hiện được đồng bộ, liên thông, xuyên suốt trong toàn hệ thống khuyến nông.

- Tăng cường các hoạt động trao đổi, chia sẻ thông tin trong hệ thống khuyến nông từ trung ương đến địa phương, giữa hệ thống khuyến nông với các đơn vị khối nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao, doanh nghiệp nhằm cập nhật, tiếp nhận các tiến bộ khoa học công nghệ mới để phục vụ hoạt động khuyến nông.

**2. Đổi mới công tác quản lý các dự án khuyến nông trung ương**

- Điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách về khuyến nông phù hợp với chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp và nhu cầu thực tiễn sản xuất; đổi mới phương thức quản lý và tổ chức thực hiện để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý khuyến nông của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng thuộc Bộ trong công tác quản lý khuyến nông.

- Phát huy vai trò, năng lực, kinh nghiệm của hệ thống khuyến nông nhà nước, đặc biệt là đội ngũ cán bộ khuyến nông cơ sở; huy động các nguồn lực đầu tư và sự tham gia của các doanh nghiệp vào hoạt động khuyến nông chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân; tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm nhằm tạo đầu ra ổn định và nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm nông sản.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết hợp với phân cấp quản lý cho các cơ quan chức năng trên địa bàn nhằm đảm bảo dự án được triển khai đúng quy định và phù hợp, đáp ứng được nhu cầu của nông dân.

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn chủ nhiệm dự án, cán bộ thực hiện dự án theo các lĩnh vực chuyên môn.

- Phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của từng cán bộ viên chức trong việc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ được giao.

**3. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động thông tin tuyên truyền khuyến nông**

- Đổi mới các hoạt động tổ chức sự kiện theo hướng kết hợp với doanh nghiệp, tăng cường hợp tác công tư, để huy động nguồn lực, nâng cao vai trò, tính lan tỏa và hiệu quả các sự kiện khuyến nông;

- Kết hợp sự kiện khuyến nông với truyền thông để nâng cao tính lan tỏa của các sự kiện khuyến nông như phối hợp xây dựng các tọa đàm trực tuyến trên mạng xã hội, trên sóng truyền hình.

- Đổi mới các hình thức ấn phẩm, Bản tin KNVN theo hướng xúc tích, ngắn gọn, ưu tiên hình ảnh.

**4. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động đào tạo huấn luyện và hợp tác quốc tế khuyến nông**

Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo huấn luyện khuyến nông theo hướng đáp ứng yêu cầu thực tế sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất, giá trị gia tăng nông sản, thúc đẩy tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo Đề án tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới. Cụ thể:

- Về nội dung: căn cứ theo nhu cầu thực tiễn sản xuất và định hướng phát triển của ngành.

- Về đối tượng: đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông, đối tượng chuyển giao và nhận chuyển giao về phương pháp, kỹ năng tập huấn nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp.

- Về phương pháp: mở rộng áp dụng phương pháp tập huấn FCV: Tư vấn, hỏi đáp qua lớp học tại hiện trường, đào tạo thực hành chuyên sâu về phương pháp, kỹ năng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; chú trọng đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu, tăng cường đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên nông cốt “Giảng viên khuyến nông Quốc gia”.

- Về tài liệu tập huấn: đa dạng nội dung và hình thức xây dựng tài liệu theo phương châm ngắn gọn, rõ ràng, ít chữ, nhiều hình ảnh dễ hiểu, dễ nhớ dễ áp dụng.

- Khảo sát học tập theo hình thức tham quan chéo (Cross Farm Visit), kết hợp hội thảo đầu bờ nhân rộng mô hình.

- Tăng cường hợp tác công tư PPP trong công tác đào tạo và huấn luyện khuyến nông.

**5. Đầu tư nâng cấp điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động khuyến nông**

- Cải tạo, nâng cấp điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khuyến nông theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khuyến nông, từng bước thực hiện số hóa, khuyến nông điện tử (E-Extension) để hiện đại hóa hoạt động khuyến nông theo kịp với trình độ tiên tiến trên thế giới.

- Thu hút nguồn lực đầu tư từ các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế nhằm tăng cường năng lực cho hệ thống khuyến nông.

**6. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khuyến nông**

Trên cơ sở Thông tư quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khuyến nông để xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khuyến nông các cấp nhằm chuẩn hóa và chuyên nghiệp hóa hoạt động khuyến nông.

**7. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác công tư PPP khuyến nông**

- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế về khuyến nông để học tập, trao đổi kinh nghiệm khuyến nông và khoa học công nghệ với các tổ chức, chuyên gia quốc tế; nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ khuyến nông thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, khảo sát học tập nước ngoài.

- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp nhất là liên kết chuỗi sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản.

- Mở rộng hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế nhằm đa dạng hóa đối tượng và nội dung hoạt động khuyến nông.

**8. Phối hợp và thống nhất công tác quản lý khuyến nông giữa các đơn vị thuộc Bộ**

Tăng cường và nâng cao chất lượng phối hợp giữa Trung tâm Khuyến nông Quốc gia với các Vụ, Tổng cục, Cục chuyên ngành trong công tác quản lý khuyến nông, nâng cao vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của từng đơn vị, bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo, điều hành hoạt động khuyến nông trung ương.

**IV. Kiến nghị, đề xuất**

1. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành các định mức chi cụ thể (hoặc định mức khung) cho các hoạt động thông tin tuyên truyền (truyền thông...) trên cơ sở Thông tư 75/2019/TT-BTC để thuận lợi trong thực tế triển khai.

2. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính ưu tiên bố trí kinh phí cho hoạt động khuyến nông để hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất hàng hóa, xóa đói giảm nghèo theo chủ trương, định hướng phát triển của Bộ, ngành.

3. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT quan tâm đầu tư kinh phí để cải tạo, nâng cấp điều kiện cơ sở vật chất của Trung tâm đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ được giao./.

**TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA**